

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 3. Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Cơ quan Thanh tra nhà nước, bao gồm:

a) Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Thanh tra Bộ);

b) Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra Sở).

2. Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành:

a) Tổng cục Thủy lợi; Tổng cục Lâm nghiệp; Tổng cục Thủy sản; Cục Thú y; Cục Bảo vệ thực vật; Cục Trồng trọt; Cục Chăn nuôi; Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối;

b) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Thủy sản; Chi cục Thủy lợi; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và các công chức khác.

Chánh Thanh tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Phó Chánh Thanh tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra. Phó Chánh Thanh tra giúp Chánh Thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra.

2. Thanh tra Bộ có các phòng để thực hiện nhiệm vụ được giao. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập phòng thuộc Thanh tra Bộ.

3. Thanh tra Bộ có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 18 Luật Thanh tra, Điều 7 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

5. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Yêu cầu Thanh tra Sở báo cáo về công tác thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 19 Luật Thanh tra, Điều 8 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thi hành quyết định xử lý khiếu nại, quyết định giải quyết tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

2. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

3. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

4. Quyết định hoặc trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định thành lập Đoàn thanh tra theo kế hoạch hoặc đột xuất khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng do Bộ trưởng giao.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và các công chức khác.

Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh.

Phó Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra.

2. Thanh tra Sở có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 24 Luật Thanh tra, Điều 13 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì các Đoàn thanh tra chuyên ngành khi có nội dung liên quan đến nhiều Chi cục thuộc Sở; chủ trì hoặc tham gia các Đoàn thanh tra liên ngành khi Giám đốc Sở yêu cầu; tham gia các Đoàn thanh tra khi Bộ trưởng, Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 25 Luật Thanh tra, Điều 14 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

3. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Thanh tra theo kế hoạch, thanh tra những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền hoặc thanh tra theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Thanh tra Bộ.
2. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của cơ quan mình.
3. Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.
4. Tổng hợp, báo cáo Thanh tra Bộ kết quả công tác thanh tra chuyên ngành; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý.
5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Thanh tra, Điều 11 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.
2. Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Thanh tra Bộ.
3. Quyết định thành lập các Đoàn thanh tra theo kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.
4. Báo cáo Chánh Thanh tra Bộ giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra.
5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành

1. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được tổ chức theo mô hình Vụ; tại Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được tổ chức theo mô hình Phòng.